

**KHÔI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: /QĐ-CDKTCNQN, ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn)*

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP
NGHỀ: CHĂN NUÔI THÚ Y
MÃ NGHỀ: 5620120**

1. Giới thiệu chung về nghề

Đào tạo kỹ thuật viên nghề Chăn nuôi – Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về Chăn nuôi – Thú y; có kỹ năng thực hành, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y; có khả năng học tập nâng cao trình độ; có sức khỏe, có trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc trong các tổ chức, đơn vị có hoạt động liên quan đến lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp sản phẩm có giá trị và an toàn cho xã hội, phục vụ tốt chiến lược phát triển chăn nuôi bền vững, đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

2. Yêu cầu chung của nghề

a. Yêu cầu về kiến thức:

- Mô tả được các cách sử dụng: dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, máy móc thiết bị phòng thí nghiệm, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác;
- Trình bày được nguồn gốc, vai trò dinh dưỡng của các loại thức ăn chăn nuôi;
- Mô tả được tính chất, tác dụng và ứng dụng điều trị của các loại thuốc thú y, vắc xin và chế phẩm sinh học dùng trong thú y;
- Trình bày được quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Mô tả được quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Mô tả được các phương pháp huấn luyện đực giống và khai thác tinh dịch;
- Nắm được các phương pháp pha chế, bảo quản, kiểm tra được chất lượng tinh dịch;
- Trình bày được các điều kiện cần thiết để thực hiện vận hành máy ấp trứng;

- Trình bày được các bước công việc trong quy trình ấp trứng nhân tạo;
- Mô tả được đặc điểm của các giống vật nuôi và quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc các loại vật nuôi;
- Nắm được các yếu tố ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi;
- Trình bày được phương pháp trợ sản cho gia súc đẻ và các biện pháp can thiệp khi gia súc đẻ khó;
- Trình bày được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi;
- Mô tả được các phương pháp huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng.
- Trình bày được các bước công việc trong chẩn đoán lâm sàng, mổ khám, dịch tễ học và tiên lượng tình trạng bệnh cho vật nuôi;
- Trình bày được quy trình tiêm phòng vắc xin, nhận biết được những phản ứng sau khi tiêm vắc xin và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời;
- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh thường gặp trên vật nuôi, đưa ra được phác đồ điều trị bệnh hiệu quả;
- Trình bày được các bước lập kế hoạch và thực hiện kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi. Nắm được các kiến thức về Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật trong chăn nuôi, thú y;
- Trình bày các biện pháp an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi thú y;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b. Yêu cầu về kỹ năng

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y;
- Sử dụng thành thạo: dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi;
- Vận hành được các máy móc thiết bị phòng thí nghiệm, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác;
- Lựa chọn được các loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với đối tượng vật nuôi;
- Tham gia thực hiện quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Thực hiện huấn luyện đực giống và khai thác tinh dịch đúng kỹ thuật;
- Thực hiện được việc pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá chất lượng tinh dịch;
- Thực hiện thành thạo quy trình vận hành máy ấp trứng nhân tạo;
- Lựa chọn được con giống đạt tiêu chuẩn và thực hiện thành thạo quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc các loại vật nuôi;

- Thực hiện được việc trợ sản cho gia súc đẻ và xử lý được các trường hợp gia súc đẻ khó;
- Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật;
- Thực hiện được các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi;
- Lập được phác đồ điều trị và thực hiện điều trị được các bệnh: nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, ký sinh trùng, truyền nhiễm cho vật nuôi;
- Thực hiện đúng quy trình tiêm phòng vắc xin và xử lý được các tai biến sau khi tiêm;
- Lập được kế hoạch và thực hiện kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đảm bảo đúng pháp luật của nhà nước. Vận dụng các kiến thức về Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y;
- Sử dụng được các biện pháp khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nền sản xuất nông nghiệp bền vững và phát triển;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động trong quá trình thực hiện, đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi;
- Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên khác trong nhóm;
- Chủ động, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

3. Các năng lực của nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ,tín chỉ)
I	Năng lực cơ bản		
1	NLCB-01	Sử dụng thuốc thú y	45 - 2
2	NLCB-02	Xác định nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	60 - 3
3	NLCB-03	Giải phẫu sinh lý vật nuôi	45 - 2
II	Năng lực cốt lõi		
1	NLCL-01	Chọn giống và truyền giống	45 - 2
2	NLCL-02	Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò	60 - 3
3	NLCL-03	Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn	60 - 3
4	NLCL-04	Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm	60 - 4
5	NLCL-05	Ấp trứng gia cầm	45 - 2
6	NLCL-06	Chẩn đoán –phòng và trị bệnh nội khoa	45 - 2
7	NLCL-07	Phòng và trị bệnh truyền nhiễm	45 - 2
8	NLCL-08	Phòng và trị bệnh ký sinh trùng	45 - 2
9	NLCL-09	Phòng và trị bệnh ngoại sản khoa	60 - 3
10	NLCL-10	Thực hiện công tác khuyến nông	45 - 2

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của nghề (giờ, tín chỉ)

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 54 tín chỉ (1425 giờ).
- Số lượng môn học, mô đun: 20.
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1170 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 380 giờ; thực hành, thực tập: 1045 giờ.